

Số: 2389/GKSK/62001/25

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Dùng cho người từ đủ 18 tuổi trở lên)



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): ...ĐẶNG THỊ MINH HUỆ...

2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒

3. Sinh Ngày: 10 tháng 8 năm 1978 (Tuổi:.....)

4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD : ...051178003208...

5. Cấp ngày: 01/10/2024 Tại: Bố công an

6. Chỗ ở hiện tại: 07. NGÕ ĐỨC ICẾ, PHƯỜNG ĐÀIC B. L. QUẢNG NGÃI

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: Bố Sung hồ sơ

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☐	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☒	☐
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☒	☐	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☐
7	Tăng huyết áp	☒	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒

8	Khó thở	☒	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 8 năm 2025

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. KHÁM THỂ LỰC

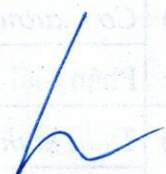
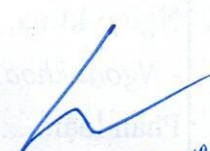
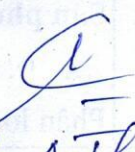
- Chiều cao: 156 cm; - Cân nặng: 64 kg; - Chỉ số BMI: 26
 - Mạch: 70 lần/phút; - Huyết áp: 130 / 80 mmHg
 Phân loại thể lực: III

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nội khoa		BS. Lý Thị Quỳnh Anh
a)	Tuần hoàn	Tim bình. Tĩnh mạch Tả giãn nhẹ	
	Phân loại	II	
b)	Hô hấp	Bình thường	
	Phân loại	I	
c)	Tiêu hóa	Bình thường, Siêu âm Viên dạ dày	
	Phân loại	II	

d)	Thận-Tiết niệu	Sơ cấp Số Hấp (5)	/ Mr
	Phân loại	IV	
đ)	Nội tiết	Phân tích chỉ phần Huyết, Huyết K, chỉ	BS. Lý Thị Quỳnh Anh
	Phân loại	II	
e)	Cơ - xương - khớp	Bất thường	BS. Trương Ngọc Nhân
	Phân loại	I	
g)	Thần kinh	Bất thường	/ s
	Phân loại	I	
h)	Tâm thần	Bất thường	BS. Hồ Huyền Vân Trinh
	Phân loại	I	
2.	Ngoại khoa, Da liễu:		BS. Trương Ngọc Nhân
	- Ngoại khoa: Phẫu thuật Búi trĩ		
	Phân loại: II		
	- Da liễu: Bất thường		
	Phân loại: I		
3.	Sản phụ khoa: Bất thường		BS. Lý Thị Quỳnh Anh
	Như: 13. Trĩ, 14. Trĩ, 15. Trĩ		
	Phân loại: IV		
4.	Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 6/10 Mắt trái: 5/10			
Có kính: Mắt phải: 10/10 Mắt trái: 10/10			
Các bệnh về mắt (nếu có): Không			
Phân loại: II			
5.	Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 10,5 m			
Tai phải: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 10,5 m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Không			
Phân loại: I			
6.	Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám: Hàm trên: Răng sứ hai bên MP 17, 22			
Hàm dưới: MP 36, 37, 46, 47			
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): Không			
Phân loại: IV			
BS. CKI Vũ Hoàng Yến			

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: 4,58 x 10 ¹² Số lượng Bạch cầu: 7,2 x 10 ⁹ Số lượng tiểu cầu: 267 x 10 ⁹ b) Sinh hóa máu: Đường máu: 5,6 Urê: 7,1 Creatinin: 72 ASAT(GOT): 27 ALAT (GPT): 28	 KTVCD. Lương Khải Hoàn
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: Âm tính b) Protein: c) Khác (nếu có): B.C : 250 ; KET: 5	 KTVCD. Lương Khải Hoàn
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): Bình thường Siêu âm: Sỏi thận trái; Nhân xơ tử cung U nang buồng trứng; Dày thành túi mật xương đang lành; ECG: Bình thường	 Bs A Thak

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: Loại IV (TN + SD + RIEM)

2. Các bệnh, tật (nếu có): Tăng huyết áp tăng điều trị
 - Sỏi thận trái
 - U nang buồng trứng

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 08 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC
 Lê Vũ Chức